

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ và bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thê Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **L M H**, sinh năm 1963. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số ###, khóm CX, phường NM, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **T T H C**, sinh năm 1965. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số ###, đường ###, khóm TK, phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông L M H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T T H C tự nguyện tìm hiểu quen biết, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chung sống như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông bà đã không còn sống chung từ năm 2002 đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Cúc có 01 con chung tên L H N, sinh ngày 09/09/1988, đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần, có thể tự nuôi sống bản thân và hiện nay đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

* Bị đơn bà T T H C có ý kiến trình bày tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng bà thống nhất như lời khai của ông L M H; bà và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 1988, quá trình sống chung không đăng ký kết hôn. Bà và ông H đã không còn sống chung từ năm 2002 và đến nay không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên L H N, sinh ngày 09/09/1988, đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần, có thể tự nuôi sống bản thân và hiện nay đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông H và bà C chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà C.

Về con chung đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ông H yêu cầu ly hôn với bà C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà C cư trú tại phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H và bà C có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được ông H và bà C thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng ông H và bà C không

đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, tuyên bố không công nhận ông H và bà C là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông H và bà C thống nhất xác định quá trình chung sống có 01 con chung tên L H N, sinh ngày 09/09/1988, đã trưởng thành phát triển lành mạnh về thể chất, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà C thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Ông Hoàng và bà Cúc thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông L M H và bà T T H C là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung tên L H N, sinh ngày 09/09/1988, đã trưởng thành phát triển lành mạnh về thể chất, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần. Ông H và C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông L M H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000570 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, ông L M H và bà T T H C (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng